CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

FireAnt

CTCP Ô tô Giải Phóng

Ngày 31/03/2024	4,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	64.0%	**115.8**	**-**

DT thuần
Q1/24
1.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.63| -38.2%
YoY: ▲ 0.40| 66.2%

LN thuần
Q1/24
-4.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 11.0%
YoY: ▼0.91| -29.2%

LN sau thuế
Q1/24
-4.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 11.0%
YoY: ▼0.91| -29.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
-190%
YoY: +/-▼ 41.4%

ROE (TTM)
Q1/24
59.7%
YoY: +/-▼ 5.5%

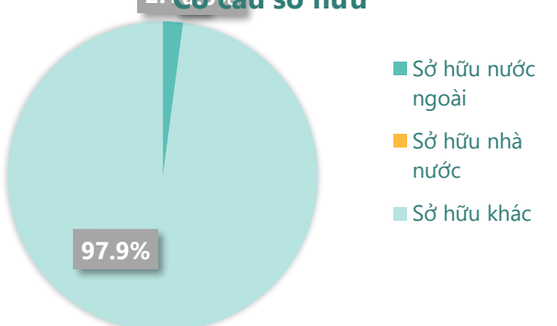
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 7,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	29,388,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)	92,895
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	(0.62)
EPS	-556
P/E	-7.4

DT thuần
2023
2.39
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.8| -93.6%

LN thuần
2023
-15.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.40| 34.9%

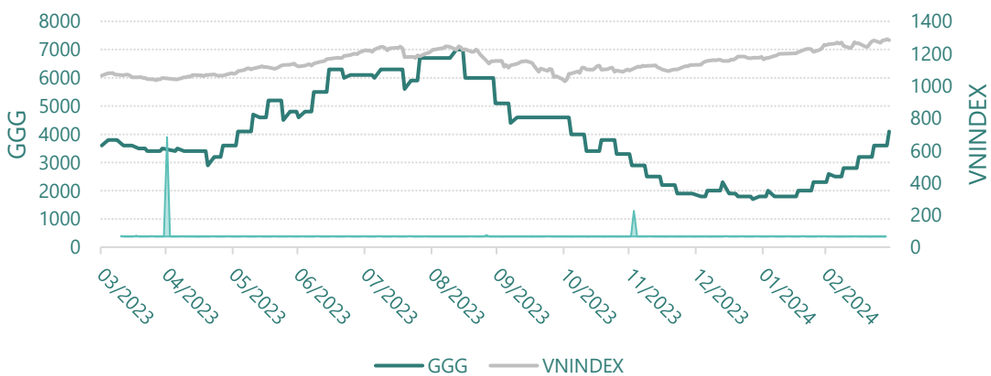
LN sau thuế
2023
-15.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.40| 34.9%

Cơ cấu sở hữu

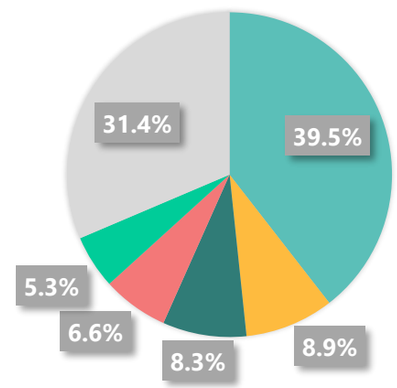


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



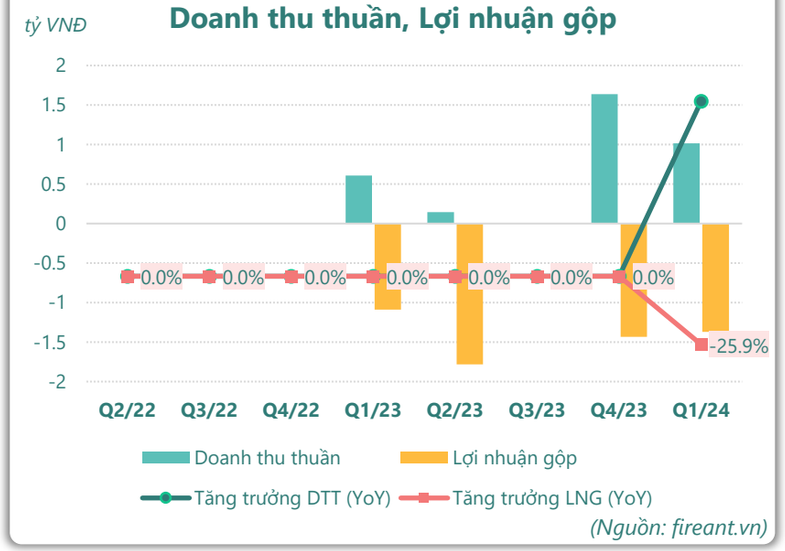
Cơ cấu cổ đông



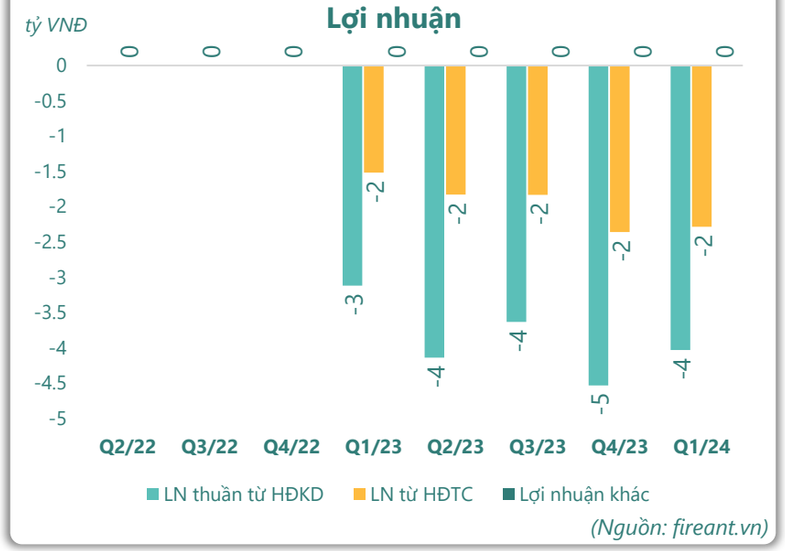
- Đàm Thận Mạnh
- Nguyễn Hà Đức
- Nguyễn Cương (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Duy Kiên (Thành viên HĐQT)
- Trần Tấn Hồng Cương (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

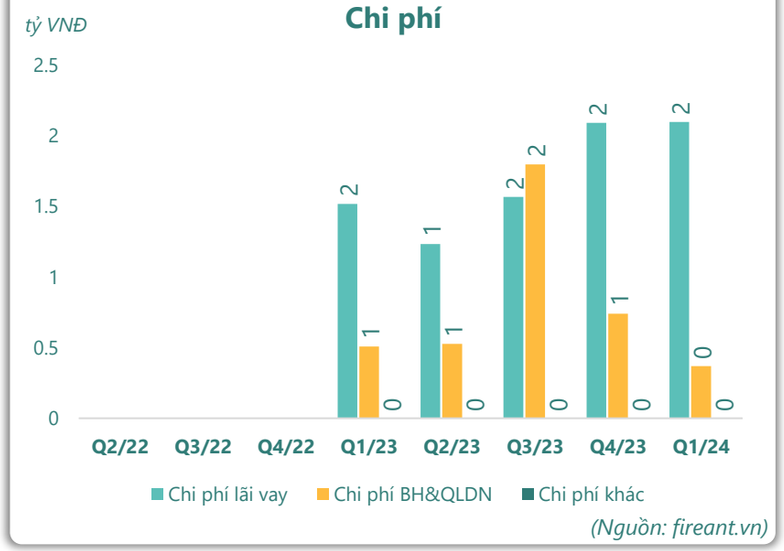
KẾT QUẢ KINH DOANH



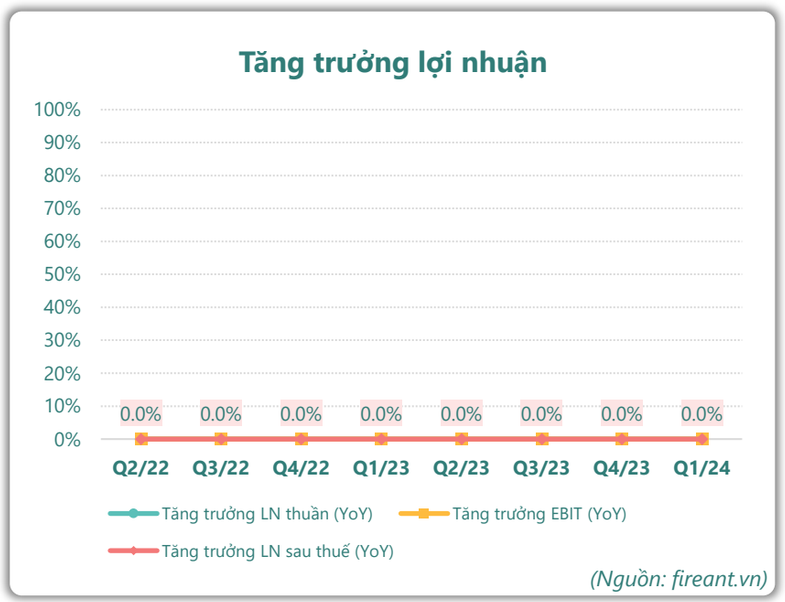
(Nguồn: fireant.vn)



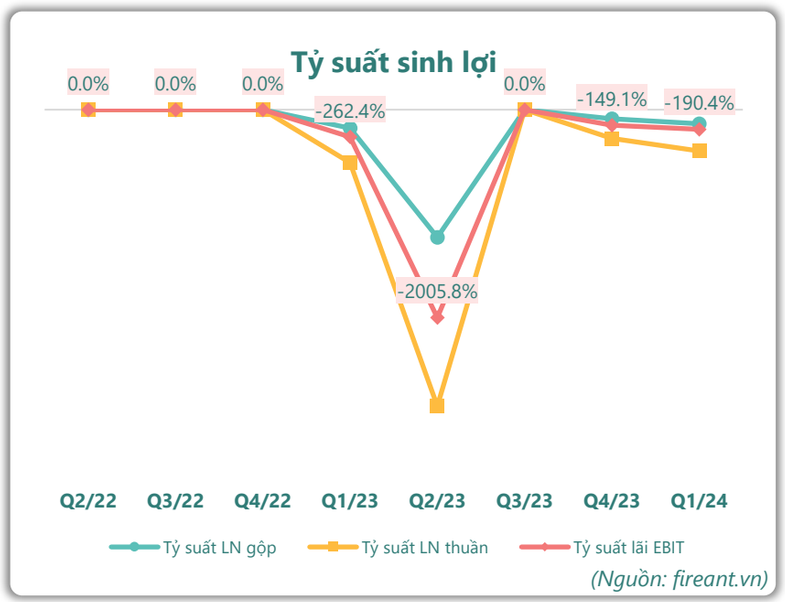
(Nguồn: fireant.vn)



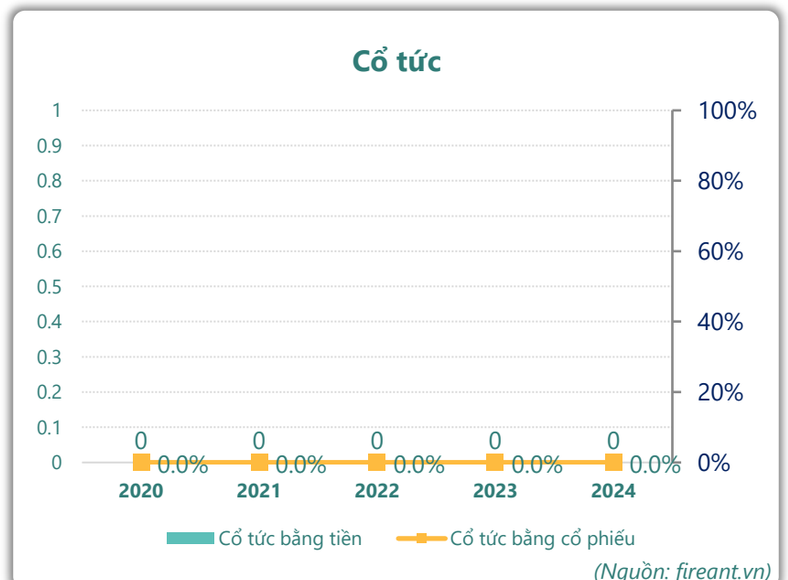
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



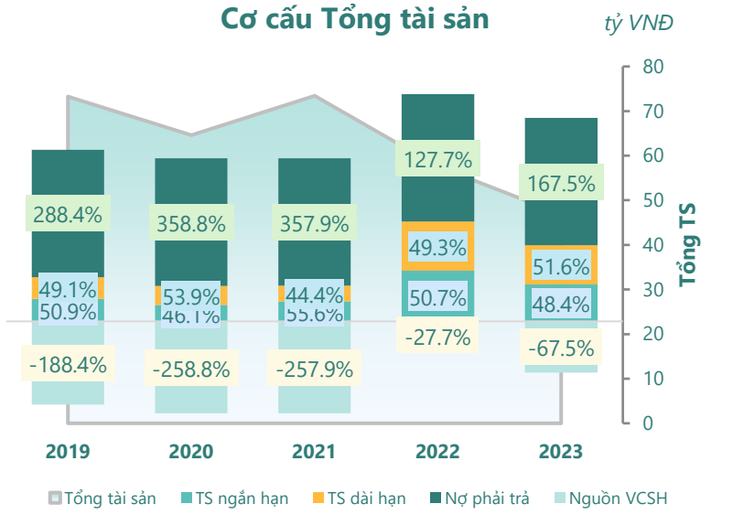
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

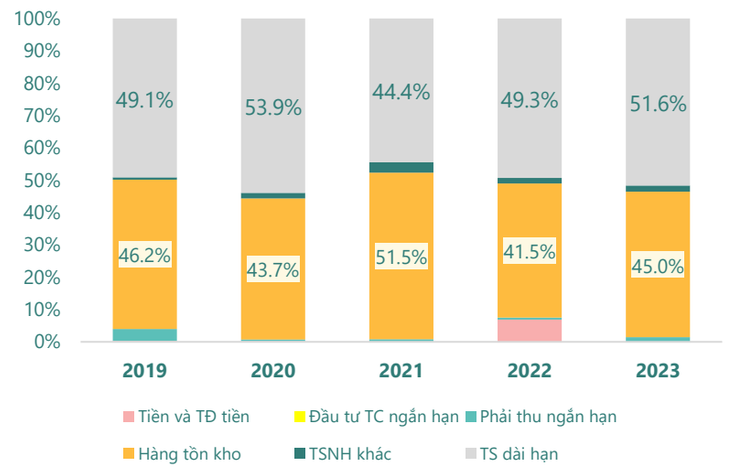
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



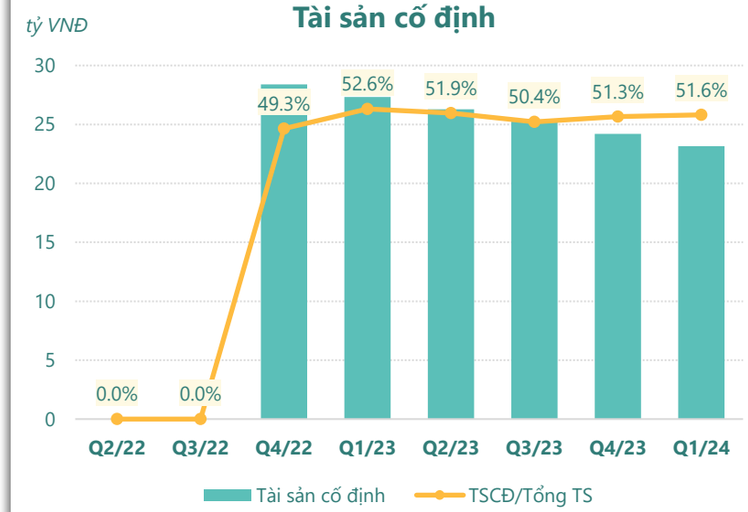
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



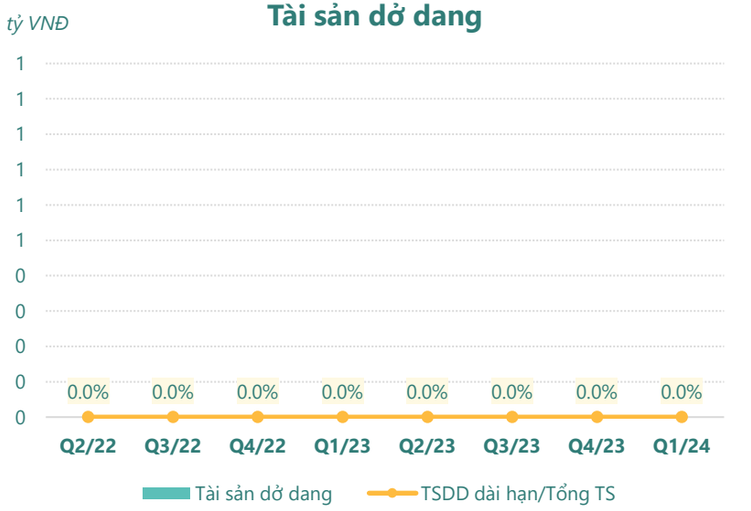
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



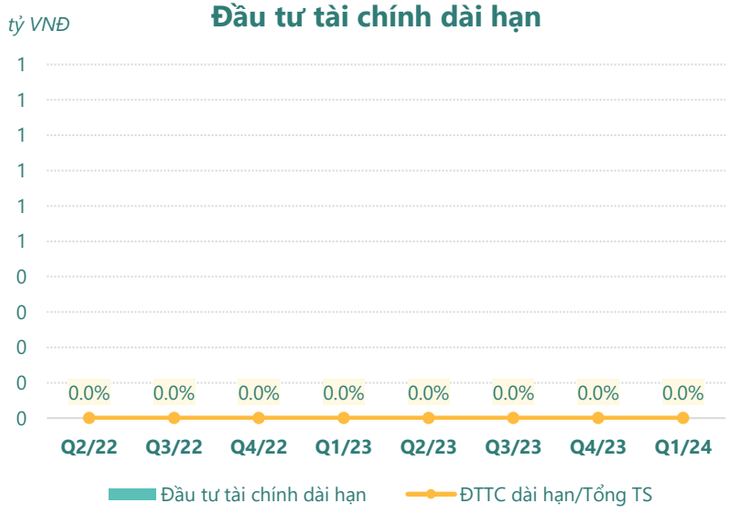
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



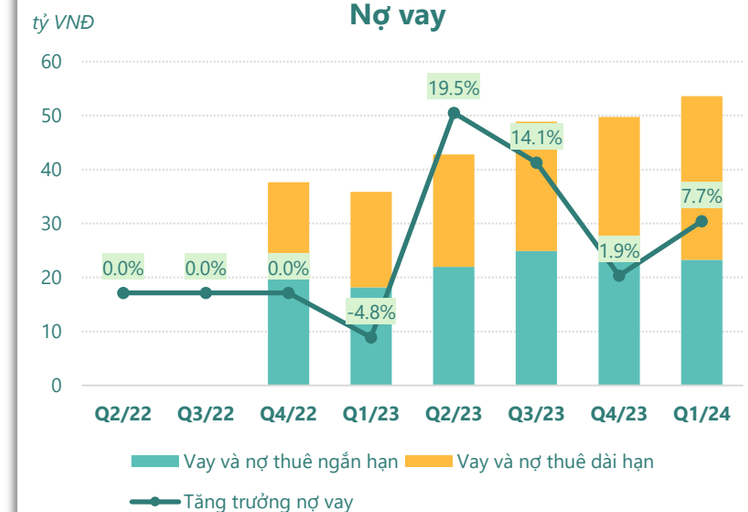
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

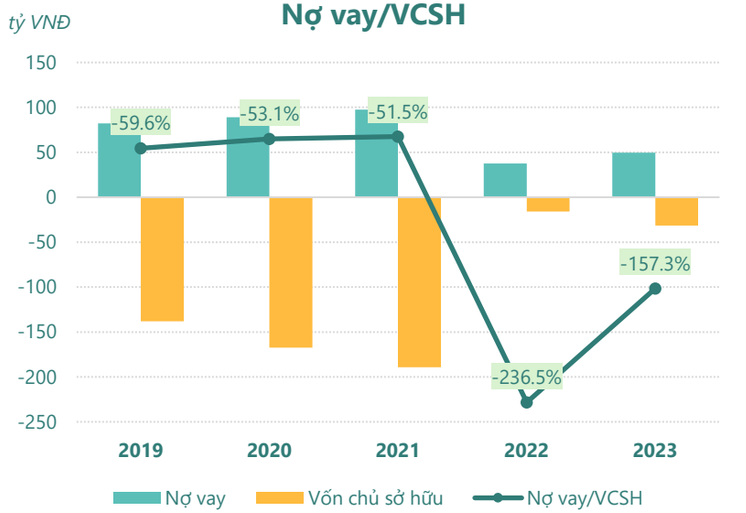
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

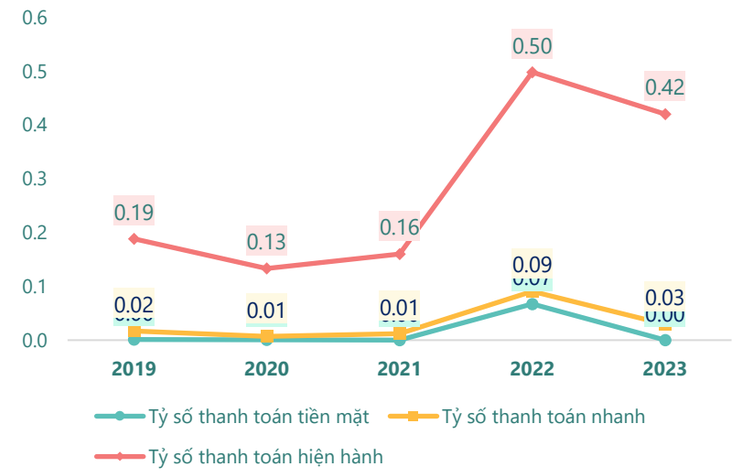
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



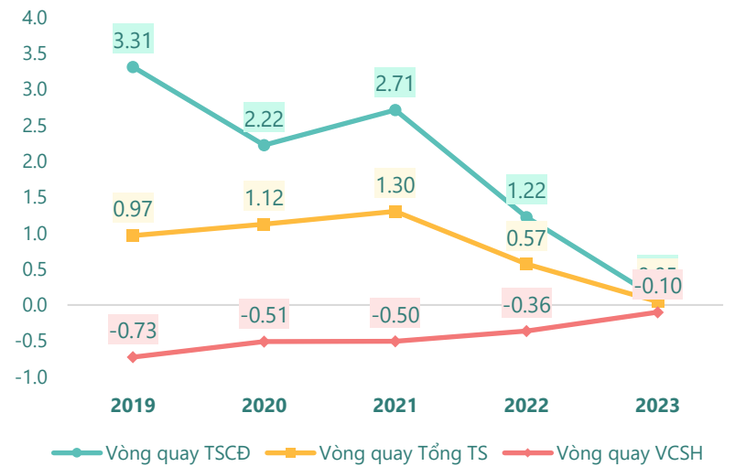
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



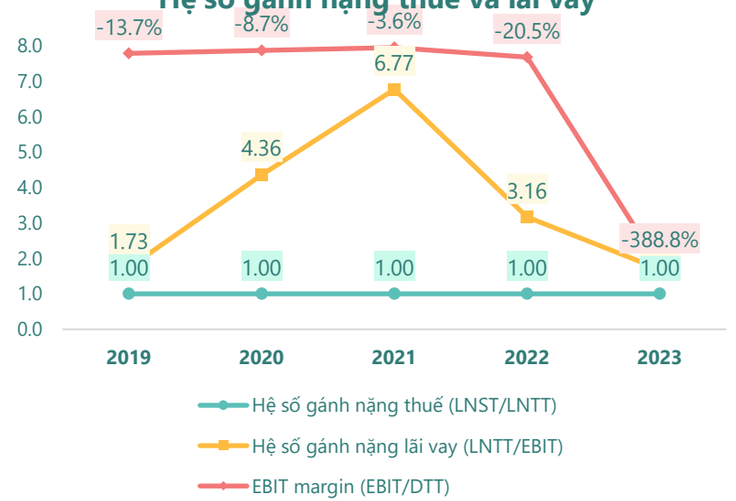
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



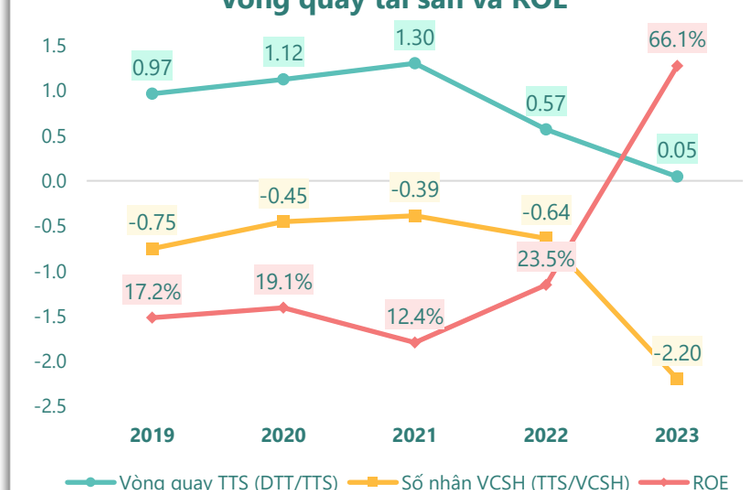
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



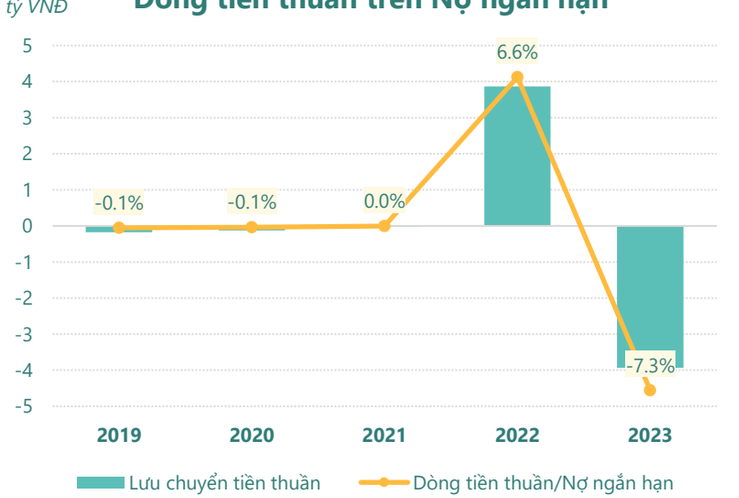
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.01**	**0.61**	**66.2%**	**2.39**	**37.2**	**-93.6%**
Giá vốn hàng bán	2.39	1.70	40.3%	7.83	38.6	-79.7%
Lợi nhuận gộp	-1.37	-1.09	-25.9%	-5.44	-1.36	-301%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.00	688%
Chi phí TC	2.29	1.52	50.5%	7.55	18.4	-59.0%
Chi phí lãi vay	2.10	1.52	38.2%	6.42	16.5	-61.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.12	0.79	-84.4%
Chi phí QLDN	**0.37**	**0.51**	**-27.3%**	**2.61**	**3.57**	**-27.1%**
LN thuần từ HĐKD	-4.03	-3.12	-29.2%	-15.7	-24.1	34.9%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.00**	**0**	
LN trước thuế	-4.03	-3.12	-29.2%	-15.7	-24.1	34.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.03**	**-3.12**	**-29.2%**	**-15.7**	**-24.1**	**34.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.03**	**-3.12**	**-29.2%**	**-15.7**	**-24.1**	**34.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-0.79	-6.08	-4.40	0.07	-2.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	0.00	0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-3.12	6.12	4.76	-0.49	2.26
Tiền đầu kỳ	0	3.94	0.03	0.07	0.43	0.01
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-3.91**	**0.04**	**0.36**	**-0.42**	**0.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0.03	0.07	0.43	0.01	0.21

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**44.8**	**46.9**	**-4.3%**
Tài sản ngắn hạn	21.7	22.7	-4.4%
Tiền và tương đương tiền	0.21	0.01	1853%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.79	0.67	18.5%
Hàng tồn kho	19.8	21.1	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	0.92	-9.4%
Tài sản dài hạn	**23.2**	**24.2**	**-4.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.2	24.2	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	80.5	78.5	2.5%
Nợ ngắn hạn	**50.2**	**53.9**	**-7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.3	25.2	-7.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.33	2.80	-16.9%
Nợ dài hạn	30.3	24.6	23.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.3	24.6	23.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-35.7**	**-31.6**	**-12.7%**
Vốn chủ sở hữu	**-35.7**	**-31.6**	**-12.7%**
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)